

Bản án số: 73/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 13/7/2022

Về việc: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị L

Bà Nguyễn Thị H

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị N - Thư ký TAND thành phố T.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2022/TLST - HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc “**Ly hôn**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXX - ST ngày 01/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn C - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: phường T, thành phố H, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Phan Thị H - Sinh năm: 1972

Địa chỉ: phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông Lê Văn C; có mặt bà Phan Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 28/5/2022, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày:

Ông Lê Văn C và bà Phan Thị H tự nguyện chung sống với nhau năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn là do ông, bà không hiểu biết về pháp luật. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được 14 năm, thì đến năm 2008 do ông C vào miền Nam làm kinh tế nên ông C không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm cách sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung, nên vợ chồng thường xảy ra to tiếng và xúc phạm nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả và vợ chồng sống ly thân từ đó

cho đến nay không ai quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau. Nay ông C và bà H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc, vì ông C và bà H không có đăng ký kết hôn ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông C và bà H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Trang sinh ngày 15/9/1995. Hiện nay cháu đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và công bố các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn C có đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là bà Phan Thị H. Do đó đây là vụ án ly hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa thụ lý theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Ngày 04/7/2022 ông Lê Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy đơn đề nghị của ông C là có lý do chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2]. Về hôn nhân: Ông Lê Văn C và bà Phan Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Việc ông C và bà H chung sống mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay ông C có đơn khởi kiện ly hôn bà H thì Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật HNGĐ năm 2015 để xử tuyên bố không công nhận ông Lê Văn C và bà Phan Thị H Hóa là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông C và bà H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị T sinh ngày 15/9/1995. Hiện nay cháu đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Ông C và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật HNGĐ năm 2015.

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử: Tuyên bố không công nhận ông Lê Văn C và bà Phan Thị H là vợ chồng.

- **Về con chung:** Ông C và bà H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị T sinh ngày 15/9/1995. Hiện nay cháu đã thành niên nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản, công nợ chung:** Ông Lê Văn C và bà Phan Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ông Lê Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2021/0002014 ngày 20/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T (ông C đã nộp đủ án phí DSST).

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Hạnh

Nguyễn Thị Lan Anh